TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 69/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2022
Về việc: "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông **Lê Văn Trung**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Hiệp**
Ông **Vũ Trung Thành**

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà **Đào Thị Quỳnh Nga** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*: **Ông Lê Hoàng Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/9/2022, giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Ngọc G**, sinh năm 1998.
Địa chỉ: Tổ 10, ấp Bàu Trưng, xã Tân Phong, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

* Bị đơn: Anh **Bùi Thanh X**, sinh năm 1999
Địa chỉ: Đội 5, ấp Cây Cầy, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Ngọc G và anh Bùi Thanh X chung sống với nhau một cách tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước vào năm 2019.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh X có quan hệ ngoài hôn nhân, mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu nên dẫn đến vợ chồng cãi nhau, anh X có đánh đập, có lời lẽ xúc phạm, đe dọa và đuổi chị G ra khỏi nhà. Từ tháng 6/2022 đến nay, anh X và chị G sống ly thân. Nay, chị G xác định tình cảm giành cho anh X đã hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Bùi Thanh X.

Con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên là cháu Bùi Thanh D, sinh ngày 03/01/2020. Hiện nay, cháu D đang sống cùng chị G, khi ly hôn chị G có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu D, không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Thanh Duyên trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh X và chị Phan Thị Ngọc G chung sống với nhau một cách tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước vào năm 2019. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Từ tháng 6/2022 đến nay, anh X và chị G sống ly thân. Nay, anh X xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng trước yêu cầu cương quyết ly hôn của chị G thì anh X đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung, tên là Bùi Thanh D, sinh ngày 03/01/2020; khi ly hôn, anh X đồng ý giao con chung là cháu D cho chị G trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh X không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Ngọc G và anh Bùi Thanh X; giao con chung là cháu Bùi Thanh D, sinh ngày 03/01/2020 cho chị G trực tiếp, chăm nom nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chịng khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao, niêm yết, tống đạt hợp lệ các Thông báo, Quyết định tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Chị Phan Thị Ngọc G và anh Bùi Thanh X có đơn xin giải quyết vắng mặt. Xét cần áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vụ án vắng mặt chị Phan Thị Ngọc G và anh Bùi Thanh X là phù hợp.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Ngọc G và anh Bùi Thanh X chung sống với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước vào năm 2019. Xét đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn cho đến nay. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự cảm thông, thấu hiểu, không có sự tin tưởng về tình cảm nên dẫn đến cãi nhau, điều này làm cho vợ chồng sống không hạnh phúc. Chị G và anh X không tìm được cách giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Chị Phan Thị Ngọc G xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn gia đình trở nên trầm trọng nên xin ly hôn với anh Bùi Thanh X. Anh X xác định tình cảm giành cho chị G vẫn còn nhưng trước yêu cầu ly hôn của chị G thì anh X cũng đồng ý ly hôn.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh X đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử cho chị Phan Thị Ngọc G được ly hôn với anh Bùi Thanh X là phù hợp.

[3] Giải quyết con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị Phan Thị Ngọc G và anh Bùi Thanh X có 01 người con chung là cháu Bùi Thanh D, sinh ngày 03/01/2020, hiện cháu đang sống cùng chị G. Khi ly hôn, chị G có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu D và không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị G là có cơ sở được chấp nhận, bởi lẽ cháu G còn nhỏ (chưa đủ 36 tháng tuổi), cần có sự quan tâm chăm sóc của mẹ, cháu D hiện nay chung sống cùng chị G tại địa phương. Mặc khác, quá trình giải quyết vụ án anh X cũng đồng ý giao cháu D cho chị G trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng và giáo dục nên cần ghi nhận. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Bùi Thanh D cho chị Phan Thị Ngọc G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

[4] Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viên kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí hôn nhân sơ thẩm các bên phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Ngọc G được ly hôn với anh Bùi Thanh X.

2. Giải quyết về con chung: Giao cháu Bùi Thanh D, sinh ngày 03/01/2020 cho chị Phan Thị Ngọc G trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến trưởng thành.

Trong thời gian nuôi con, chị Phan Thị Ngọc G phải tạo điều kiện cho anh Bùi Thanh X được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó; cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phan Thị Ngọc G phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0018868 ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Chị Phan Thị Ngọc G, anh Bùi Thanh X vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Đồng Phú;*
- *CC. THADS huyện Đồng Phú;*
- *UBND X. Tân Hưng, H. Đồng Phú;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Trung

THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 27 tháng 8 năm 2022

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: **Ông Lê Văn Trung**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Vũ Trung Thành**

Ông Giang Công Chiến

Tiến hành nghị án đối với vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 308/2021/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2022, giữa:

* Nguyên đơn: **Chị Cao Thị Phượng**, sinh năm 1979

* Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn Tuấn**, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Tổ 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi xem xét, thảo luận các thành viên trong Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 như sau :

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị Phượng được ly hôn với anh Nguyễn Văn Tuấn.

2. Giải quyết con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao các cháu Nguyễn Cao Trí, sinh ngày 23/8/2017 và Nguyễn Cao Thành, sinh ngày 07/01/2013 cho chị Cao Thị Phượng trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng cho đến trưởng thành.

Trong thời gian nuôi con, chị Cao Thị Phượng phải tạo điều kiện cho anh Nguyễn Văn Tuấn được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó; cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và các vấn đề khác: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Cao Thị Phượng phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018582 ngày 24/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Chị Cao Thị Phượng, anh Nguyễn Văn Tuấn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Biên bản kết thúc vào lúc giờ phút cùng ngày, đã đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**